

VỀ NHỮNG ĐỒNG TIỀN ĐẦU TIÊN CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA TRONG NĂM ĐẦU SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

PHAN THỊ THOA*

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, từ một nước thuộc địa nửa phong kiến nước Việt Nam dân chủ Cộng hoà ra đời, chính quyền đã về tay nhân dân. Nhưng trên phương diện tài chính, tiền tệ thì nước ta chưa có ngay một đồng tiền độc lập. Vì vậy, cùng với việc khắc phục những khó khăn nghiêm trọng về kinh tế, văn hoá, vừa đấu tranh chống thù trong giặc ngoài, vừa xây dựng, củng cố chính quyền Dân chủ nhân dân, Đảng và Chính phủ cũng đặc biệt quan tâm xây dựng một nền tài chính độc lập, vững mạnh, đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ kháng chiến - kiến quốc. Trong bối cảnh lịch sử đó, những đồng tiền đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã ra đời.

Nghiên cứu về sự ra đời, đặc điểm và sức sống của những đồng tiền đầu tiên ấy vì thế không chỉ nhằm tái hiện lịch sử mà còn góp phần khẳng định vai trò, vị trí của nó đối với sự nghiệp kháng chiến và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám và trong Kháng chiến toàn quốc chống Pháp 1946-1954.

1. Tình hình tài chính, tiền tệ ở nước ta sau khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công

Khi Cách mạng tháng Tám thành công, Ngân sách Đông Dương lúc đó đã hụt 185 triệu đồng, trong ngân khố Trung ương lúc bấy giờ chỉ còn 1.250.000 đồng với 580.000 đồng bằng hào rách nát và số nợ lên tới hơn 564 triệu đồng chia ra các khoản sau:

1. Nợ các ngân phiếu phát hành mà chưa có tiền trả: 75.553.612 đồng

2. Nợ quốc dân về số tiền hao do ngân khố phát hành: 63.892.000 đồng

3. Nợ về trái phiếu ngắn hạn phát hành (1941, 1942): 124.146.700 đồng

(Năm 1941: 14.844.000 đồng

Năm 1942: 109.302.700 đồng)

4. Nợ ngân hàng Đông Dương: 300.773.210 đồng

Tổng cộng: 564.365.522 (i)

Từ những con số trên ta có thể thấy, trong thời kỳ thực dân Pháp và phát xít Nhật thống trị, mặc dù đã tìm mọi cách để bóc lột nhân dân ta bằng đủ các thứ thuế nặng nề song chúng vẫn không bù đắp được các khoản chi tiêu lớn lao, vì thế chúng còn đổ lên đầu nhân dân ta một khoản nợ khổng lồ. Tài chính quốc gia lâm vào tình trạng cạn kiệt.

* Ths. Học viện Tài chính

Bên cạnh sự khó khăn nghiêm trọng về tài chính, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) còn gặp phải sự rối loạn về tiền tệ.

những năm trước Cách mạng tháng Tám, ở nước ta diễn ra một trận “lụt tiền”. Đời sống nhân dân ta càng thêm điêu đứng.

Hình 1: Tờ bạc 100 đồng Đông Dương (1925 - 1939)



Bảng 1: Số lượng tiền do Ngân hàng Đông Dương phát hành

Năm phát hành	Số lượng tiền đồng
1939	216,3 triệu
1940	284,4 triệu
1941	346,7 triệu
1942	492,2 triệu
1943	743,4 triệu
Tới ngày 30-11-1944	1.292,9 triệu
Tới tháng 9-1945	1.667,0 triệu
Tới ngày 1-10-1945	2.483,8 triệu

Nguồn: Đặng Phong: *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000* Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr. 109.

Để nắm giữ toàn bộ nền kinh tế Đông Dương, năm 1875 Ngân hàng Đông Dương được thành lập và độc quyền phát hành tiền Đông Dương. Đây là loại tiền chính thức lưu hành trên thị trường nước ta. Đặc điểm của loại tiền này là tiền giấy, to bản, màu sắc sặc sỡ, mặt tờ giấy bạc in bằng tiếng Tây với nhiều mệnh giá và giá trị cao do vậy thường chỉ được những người dân ở thành thị tiêu dùng, ít khi xuất hiện ở thôn quê và những nơi này chỉ tiêu dùng những loại tiền Đông Dương bằng kim loại mệnh giá thấp. Mệnh giá 20 đồng trở lên chỉ có tầng lớp quan lại, điền chủ mới có còn nhân dân lao động nếu nó đôi khi còn bị mang họa. Họ có thể bị bắt và bị thẩm vấn về nguồn gốc nếu nhà chức trách phát hiện.

Bên cạnh việc kiểm soát nền kinh tế Việt Nam thông qua hoạt động và sự điều phối tiền tệ của Ngân hàng Đông Dương, thực dân Pháp vẫn cho đập tiền xu Bảo Đại để làm tiền lẻ và nhằm che đậy cho chính sách bảo hộ “độc lập trong khối liên hiệp Pháp”. Đây là loại tiền xu được đúc bằng đồng, có lỗ vuông ở giữa. So với đồng Đông Dương, giá trị của tiền này rất thấp.

Từ khi phát xít Nhật xâm lược Đông Dương, Nhật yêu cầu Pháp phát hành tiền ngày một nhiều hơn, một mặt để vớt vớt lương thực một cách triệt để, mặt khác để cung cấp cho quân đội Nhật, vì thế trong

Khi Cách mạng tháng Tám thành công, mặc dù Chính phủ VNDCCH không chiếm được Ngân hàng Đông Dương nhưng Chính phủ đã đặt cơ chế kiểm soát ngân hàng, vì vậy, ngân hàng phải xuất tiền cho ta. Khi cuộc kháng chiến ở Nam Bộ diễn ra (từ ngày 23-9-1945), ngân hàng Đông Dương không chịu xuất tiền cho Chính phủ ta nữa, thậm chí những ngân phiếu của ngân khố, ngân hàng cũng không chịu trả (khoảng từ tháng 11 năm 1945). Ngân hàng còn dùng nhiều thủ đoạn để gây khó khăn cho ta về tài chính. Ngày 17-11-1945, Cao ủy Pháp ở Sài Gòn ra Nghị định hủy bỏ tất cả các loại giấy bạc 500 đồng phát hành từ ngày Nhật làm đảo chính Pháp 9-3-1945 đến ngày 23-9-1945 là ngày Pháp trở lại Nam Bộ (2). Pháp viện cơ số giấy bạc

này do Nhật phát hành nên không công nhận. Hàng vạn người đã đổ xô đi đổi tiền và ai không kịp thì mất trắng. Đây là một hành động vô nợ trắng trợn gây sự căm phẫn trong nhân dân ta.

Cùng với sự lưu hành của tiền Đông Dương, sự tồn tại của các loại tiền xu của triều đình nhà Nguyễn, sự trở mặt của Ngân hàng Đông Dương, thì từ cuối tháng 8, đầu tháng 9 năm 1945, dưới danh nghĩa quân đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, quân Tưởng kéo vào nước ta, theo chúng là sự tràn ngập đồng Quan kim, Quốc tệ. Đây là hai loại tiền đã mất giá ở Trung Quốc nhưng quân Tưởng ép chúng ta phải sử dụng thông qua những áp lực về quân sự. Ngày 13-10-1945, tướng Lư Hán - Tư lệnh của quân đội Tưởng ở Việt Nam đã cho dán thông cáo khắp nơi, ra lệnh cho nhân dân và các cơ quan phải thu nhận tiền quan kim, quốc tệ theo tỷ giá ấn định là: 1 đồng quan kim bằng 1,5 đồng ngân hàng Đông Dương; 1 đồng ngân hàng Đông Dương bằng 13,3 đồng quốc tệ; trả 1 đồng quan kim bằng 20 đồng quốc tệ. Chúng yêu cầu mỗi tháng ta phải đổi cho chúng 3.000 triệu quan kim lấy 4.500 triệu đồng Đông Dương, tức là lớn trên 2 lần tổng số bạc lưu hành (3). Đây là điều ta không thể đáp ứng được và như vậy buộc ta phải cho lưu hành tiền Quan kim, Quốc tệ song song với tiền của ngân hàng Đông Dương. Trên thực tế quân đội Tưởng đã không tước khí giới quân đội Nhật vì ở nhiều nơi, quân Nhật đã đầu hàng quân cách mạng từ trước, nhưng có một thực tế là đồng quan kim và quốc tệ đã tước đoạt của cải của nhân dân ta một cách vô cùng trắng trợn. Trên phạm vi vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, nạn Quan kim, Quốc tệ diễn ra nghiêm trọng. Các cửa hàng Việt, Hoa, Pháp, Ấn... đều tràn ngập các loại tiền này. Ngân hàng Đông Dương cũng

không tránh được việc phải thu nhận hai loại tiền trên.

Nguồn tài chính cạn kiệt, tiền tệ rối loạn trong khi nhu cầu chi tiêu của Nhà nước đang đặt ra rất lớn, chính vì vậy vấn đề xây dựng nền tài chính nói chung và phát hành đồng tiền của nước Việt Nam độc lập nói riêng đặt ra cấp bách.

2. Sự ra đời, đặc điểm và sức sống của tiền Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám

Do chúng ta không chiếm được Ngân hàng Đông Dương trong tổng khởi nghĩa nên lúc này Ngân hàng Đông Dương vẫn điều phối thị trường tiền tệ ở nước ta. Tiền Đông Dương vì vậy vẫn là đồng tiền chính lưu thông trên thị trường. Trước tình hình đó, Chính phủ đã đưa ra một giải pháp là phải kiểm soát ngân hàng để phục vụ cách mạng. Người được giao trọng trách lớn lao này là ông Đặng Đình Hoè, nguyên Vụ phó Vụ Tài vụ, Bộ Nội thương. Ngày 28-8-1945 ta gửi tám séc đầu tiên tới ngân hàng để lấy tiền chi tiêu.

Ngày 3-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, vấn đề tài chính, tiền tệ một lần nữa lại được đặt ra cấp thiết. Đến khi thực dân Pháp đánh chiếm Nam Bộ, việc rút tiền qua tài khoản ở ngân hàng Đông Dương chấm dứt. Hơn bao giờ hết, đồng tiền của nước Việt Nam độc lập cần gấp rút ra đời phục vụ cho sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc. Ngày 27-10-1945, Hội đồng Chính phủ đã họp và quyết định việc in giấy bạc sẽ đặt tên là đồng bạc Việt Nam. Vấn đề tiền tệ tiếp tục được Bác Hồ và Trung ương Đảng khẳng định trong Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" (25-11-1945): "Lập quốc gia ngân hàng, phát hành giấy bạc, định lại các ngạch thuế, lập ngân quỹ toàn quốc, các xứ, các tỉnh" (4). Nhưng để

in được giấy bạc đòi hỏi nhiều yếu tố phức tạp hơn như mẫu vẽ, giấy, nhà in, còn dập tiền kim loại thì đơn giản hơn, vì vậy, Chính phủ đã phê duyệt phương án vừa dập tiền kim loại vừa in giấy bạc nhưng dập tiền kim loại được tiến hành trước.

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng Tài chính Phạm Văn Đồng, ngay những ngày cuối năm Ất Dậu, những đồng tiền đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đời ngay tại hầm nhà Bát Giác (Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam ngày nay). Những đồng tiền đầu tiên xuất xưởng là đồng 2 hào, 5 hào, rồi đồng 1 đồng bằng nhôm và 2 đồng bằng đồng.

Đồng 5 hào có đặc điểm: hình ảnh mặt thứ nhất là cái đỉnh vàng, xung quanh phía trên có 6 chữ “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Dưới chân đỉnh có số 1946. Mặt sau đồng tiền có hình ngôi sao 5 cánh. Trong nền sao có chữ 5 hào. 5 khe cánh của ngôi sao khắc 5 cái triện quả trám. Ở cạnh rìa xung quanh đồng tiền có khía răng cưa.

Hình 2: Đồng 5 hào năm 1946



Đồng 1 đồng có một mặt in ảnh nghiêng Bác Hồ, xung quanh có 6 chữ “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Dưới hình Bác khắc thêm chữ “H.Ngọc” rất nhỏ. Đây là tên tắt của anh Hoàng Như Ngọc, người điều khiển máy dập tiền đã có công lao to lớn trong sự ra đời của những đồng tiền đầu tiên ấy. Để ghi nhận công sức của anh, cấp

Hình 3: Đồng 1 đồng năm 1946



trên cho phép ghi vào mặt đồng tiền. Mặt sau là hình bông lúa và viên răng cưa.

Ngày 1-12-1945, Sở Ngân khố cho lưu hành đồng 2 hào mới bằng nhôm, sau đó là đồng 5 hào cũng bằng nhôm, rồi các loại tiền 2 đồng bằng đồng và 1 đồng bằng nhôm. Những đồng tiền này ngay lập tức đã được sự hưởng ứng nhiệt tình của quần chúng, trước hết đó là tiền của một nước độc lập, mặt khác nó cũng giải quyết được nạn khan hiếm tiền lẻ trong tiêu dùng của quần chúng nhân dân lúc bấy giờ.

Để loại dần ảnh hưởng của giấy bạc Đông Dương và khẳng định nền tài chính độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trải qua một quá trình đấu tranh quyết liệt trong điều kiện đối phó với thực dân Pháp và đồng Quan kim, Quốc tệ của Trung Quốc, khắc phục những khó khăn về cơ sở vật chất, chúng ta đã chính thức phát hành tờ giấy bạc Việt Nam vào ngày 31-1-1946 (5).

Tiền Việt Nam được phát hành có nhiều mệnh giá: 1 đồng, 5 đồng, 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100 đồng (6), 200 đồng. Các loại giấy bạc này có ký tên Bộ trưởng Tài chính Phạm Văn Đồng hoặc Lê Văn Hiến và Giám đốc Ngân khố Trung ương, do đó ngoài tên gọi là giấy bạc Cụ Hồ, dân gian còn gọi là “bạc tài chính”. Giấy bạc Việt Nam một mặt có chữ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (chữ Quốc ngữ và chữ Hán), có

hình Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một mặt có hình Nông - Công - Binh. Các loại giấy bạc đều có ghi chữ số Ả Rập, chữ Quốc ngữ, chữ Hán, Lào, Campuchia chỉ mệnh giá. Những đồng tiền này, tuy chất liệu chưa được tốt, kỹ thuật in ấn còn thô sơ nhưng nó có sức nặng của hồn dân tộc Việt Nam. Điển hình có thể thấy hình ảnh tờ giấy bạc 100 đồng (7).

Hình 4: Tờ bạc 100 đồng có hình con trâu xanh 1946-1947



Theo Sắc lệnh số 18-b, ngày 31 tháng 1 năm 1946, thì giấy bạc Việt Nam bắt đầu được lưu hành ở Nam Trung Bộ từ vĩ tuyến 16 trở vào. Đến Sắc lệnh số 154 ngày 31-8-1946, thì được lưu hành cả ở Bắc Trung Bộ (8). Việc lưu hành giấy bạc phải thận trọng như vậy là bởi vì quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Tưởng cũng như Pháp lúc bấy giờ đang ở vào tình thế khó khăn. Hơn thế nữa, nơi đây không có sự kiểm soát của các lực lượng nước ngoài. Giấy bạc Cự Hồ ra đời được nhân dân khu 5 đón nhận nhiệt tình. Từ giấy bạc Cự Hồ, chúng ta đổi tiền Đông Dương ngay trên địa bàn khu 5, sau đó chuyển ra Bắc chi tiêu. Rõ ràng Việt Nam vừa giải quyết được một phần khó khăn về tài chính vừa làm cho mối quan hệ với Pháp bớt căng thẳng.

Mặc dù Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 giữa Việt Nam và Pháp ký kết quy định tiền

Đông Dương lúc này vẫn là đồng tiền chính thức được lưu hành trong cả nước, nhưng với ý thức của người dân của một nước độc lập, những đồng bạc Cự Hồ từ Nam Trung Bộ đã nhanh chóng sử dụng tới khu 4. Từ giữa năm 1946 thì gần như mọi nơi đều có giấy bạc Cự Hồ. Những vùng miền núi xa xôi, hẻo lánh như Tây Bắc, những nơi sử dụng đồng Quan kim, Quốc tệ trước đây như Cao Bằng, Lào Cai, Lạng Sơn, Yên Bái... cũng đã nhanh chóng có mặt đồng tiền Cự Hồ. Sự ra đời của nó đã cứu vãn được tình hình tài chính nguy ngập lúc bấy giờ. Ở Nam Bộ, ta chưa chủ trương phát hành nhưng quân chúng nhân dân hết sức tín nhiệm tiền Việt Nam, nên đã tự động đưa về tiêu ở các vùng căn cứ giải phóng.

Tuy nhiên, Tạm ước 14-9-1946 một lần nữa đã làm cản trở sự phát hành giấy bạc của Việt Nam. Đến tháng 10-1946, ngân khố đã gần như trống rỗng (chỉ có vền vện 1 triệu đồng Đông Dương), trong lúc quan hệ giữa Việt Nam và Pháp hết sức căng thẳng, nguy cơ của một cuộc chiến tranh là không thể tránh khỏi. Vì vậy, cuối tháng 11-1946, Quốc hội họp và tuyên bố công khai quyết định phát hành đồng bạc Việt Nam trên toàn quốc.

Sau ngày Toàn quốc kháng chiến, việc liên lạc giữa các địa phương trong cả nước gặp nhiều khó khăn, vì vậy Đảng và Chính phủ đã có những giải pháp linh hoạt về vấn đề tiền tệ để đảm bảo cho sự thông thương hàng hóa, phục vụ cho đời sống của nhân dân và sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp. Đáng chú ý là ở nước ta đã hình thành các khu vực tiền tệ riêng như:

Ở vùng tự do Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ chủ yếu là Việt Bắc, đồng bằng Bắc Bộ, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình lưu hành giấy bạc tài chính do Trung ương phát hành.

Tại các tỉnh Liên khu 5, chủ yếu là 4 tỉnh tự do: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên lúc đầu lưu hành tiền tài chính Trung ương phát hành. Khi chiến tranh lan rộng, giấy bạc Cụ Hồ chuyển vào khó khăn, nên Trung ương cho phép Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Trung Bộ in các loại tín phiếu đưa vào lưu hành và nó có giá trị như giấy bạc Cụ Hồ. Như vậy ở Liên khu 5, giấy bạc tài chính và tín phiếu cùng lưu hành song song. Cho đến năm 1952, Chính phủ cho thu hồi bạc tài chính thay bằng giấy bạc ngân hàng, chỉ còn để tín phiếu lưu hành (9).

Ở Nam Bộ, do tình hình chiến sự lan nhanh nên một số vùng căn cứ kháng chiến từ năm 1945 đến đầu năm 1947 lưu hành bạc tài chính đưa từ miền Nam Trung Bộ vào, sau đó tình hình chiến sự ngày càng phức tạp, việc sản xuất giấy bạc cũng gặp nhiều khó khăn nên giấy bạc tài chính Trung ương không đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng, vì vậy ở Nam Bộ chủ yếu là dùng biện pháp đóng dấu của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ lên các tờ bạc Đông Dương để tiêu dùng. Đến cuối năm 1947, Trung ương cho phép Nam Bộ được phát hành giấy bạc riêng và lưu hành chủ yếu ở miền Tây Nam Bộ. Những tờ giấy bạc loại 1 đồng, 5 đồng, 20 đồng, rồi 50 đồng, 100 đồng in hình ảnh Cụ Hồ rất đẹp, có chữ ký của ông Phạm Văn Bạch, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ và ông Nguyễn Thành Vĩnh, Giám đốc Sở Tài chính Nam Bộ (được ủy quyền của "Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa") đã ra đời ngay trong vòng vây của thực dân Pháp. Bên cạnh đó, Nam Bộ còn có các phiếu tiếp tế, phiếu đổi chác, tín phiếu các loại 1 đồng, 5 đồng, 10 đồng. Các loại tiền tệ này do Ủy ban Kháng chiến Hành chính các tỉnh như Mỹ Tho, Bến Tre, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sóc Trăng, Thủ Biên (Biên Hoà

và Thủ Dầu Một), Bạc Liêu, Rạch Giá... tự in, tự sáng tác mẫu vẽ nên chỉ được phép lưu hành trong tỉnh (10).

Nhìn chung tiền Việt Nam ngay từ khi ra đời đã được nhân dân hết sức tín nhiệm, phạm vi lưu hành mở rộng và là một lợi khí quan trọng trong đấu tranh với kẻ thù.

3. Tính chất, ý nghĩa của những đồng tiền đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám

Trước năm 1875, tình hình tiền tệ của nước ta khá phức tạp. Từ năm 1875 - 1945, với vai trò là ngân hàng độc quyền phát hành, Ngân hàng Đông Dương đã chi phối, lũng đoạn tình hình tài chính, tiền tệ Việt Nam. Cách mạng tháng Tám thành công, trong bộn bề khó khăn thử thách, được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bác Hồ, Trung ương Đảng và Chính phủ, Bộ Tài chính đã xúc tiến công tác in tiền góp phần xây dựng nền tài chính của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Ngay từ khi ra đời, những đồng tiền đầu tiên ấy đã thể hiện sức mạnh to lớn của nó mà trước hết đó là sức mạnh của tinh thần độc lập, tự chủ trên phương diện tài chính, tiền tệ. Giấy bạc Việt Nam ra đời trong bối cảnh đấu tranh quyết liệt chống lại sự lũng đoạn và phá hoại của thực dân Pháp, quân Tưởng Giới Thạch và bọn tay sai của chúng, nên nó còn là một thứ vũ khí để đấu tranh chống thù trong giặc ngoài, bảo vệ nền độc lập dân tộc. Được sự tín nhiệm tuyệt đối của nhân dân, giấy bạc Việt Nam đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường ở các vùng tự do và có ảnh hưởng mạnh mẽ cả trong vùng tạm bị chiếm. Ngược lại, đối với đồng bạc Đông Dương, ta đã tranh thủ đổi và đưa vào vùng tạm bị chiếm để mua hàng và cùng với sự mở rộng trận địa của tiền Việt Nam, tiền Đông Dương đã bị dồn về các thành phố tạm bị chiếm đóng.

Cùng với sức mạnh của tinh thần dân tộc, tiền Việt Nam còn thể hiện sức mạnh của chế độ mới - chế độ dân chủ nhân dân. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, việc kiến thiết, xây dựng chế độ mới được đặt ra bức thiết trên các phương diện trong đó có phương diện tài chính, tiền tệ. Sự ra đời của tiền Việt Nam chính là góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền móng của chế độ Dân chủ Cộng hoà. Cho đến ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ (ngày 19-12-1946), những tờ giấy bạc Việt Nam đã góp phần làm cho hàng hoá được lưu thông dễ dàng, đáp ứng được nhu cầu trao đổi của thị trường, thúc đẩy tăng gia sản xuất, phục vụ đời sống và sinh hoạt của quần chúng nhân dân, đảm bảo nhu cầu vật chất cho kháng chiến.

Như vậy, có thể thấy, ngay từ khi ra đời, những đồng tiền đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã thể hiện tính chất dân tộc, dân chủ sâu sắc.

Sự ra đời và sức sống của tiền Việt Nam có ý nghĩa to lớn trên các phương diện kinh tế, chính trị cũng như trong quá trình đấu tranh chống thù trong giặc ngoài, bảo vệ nền độc lập dân tộc nói chung và bảo vệ tính độc lập tự chủ về tài chính, tiền tệ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám.

Về kinh tế, tiền Việt Nam ra đời đã đáp ứng được nhu cầu trao đổi của thị trường và phục vụ đời sống, sinh hoạt của nhân dân, nhu cầu cấp bách cho chi tiêu của quốc gia. Ngay từ những ngày đầu tiên, tiền được phát hành từ miền Nam Trung bộ, chính quyền đã giải quyết được những khó khăn lớn về tài chính, đồng thời giúp Chính phủ đổi được một lượng tiền Đông Dương khá lớn chuyển ra Bắc vào Nam chi tiêu, đồng thời hình thành một số ngoại tệ dự trữ để sau này mua sắm những mặt hàng cần thiết ở vùng Pháp chiếm đóng,

phục vụ cho kháng chiến. Khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, với nhiều nỗ lực, Bộ Tài chính đã cấp cho Bộ Quốc phòng trên 300 triệu đồng (11), đó là một số tiền hết sức quan trọng trong buổi đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc.

Những đồng tiền đầu tiên của nước Việt Nam ra đời không chỉ có ý nghĩa trên phương diện kinh tế mà còn thể hiện ý nghĩa chính trị sâu sắc. Tiền Việt Nam lưu thông dựa trên cơ sở của nền kinh tế hàng hóa nhỏ, chủ yếu là hàng hóa do nông nghiệp và thủ công nghiệp sản xuất. Trong năm đầu tiên sau cách mạng, hàng hóa chưa được dồi dào, nhưng nhân dân vẫn tín nhiệm tiền Việt Nam và dùng làm phương tiện trao đổi, lưu thông hàng hóa. Sự tín nhiệm đó là yếu tố chính trị có ảnh hưởng to lớn đến sự lưu thông tiền tệ nhất là tiền Việt Nam lại chưa có sự bảo đảm về vật chất về phía Nhà nước trong khi tiền Đông Dương thì được đảm bảo sức mua trong khu vực đồng Franc. Ngay từ những ngày đầu kháng chiến, gần như toàn dân ta tiêu tiền Cự Hồ. Tỷ giá quy định so với đồng Đông Dương là 1-1, nhưng trong thực tế, từ khi kháng chiến bùng nổ, nhân dân đổi 1 đồng bạc Cự Hồ lấy 1,2; 1,4 hoặc 1,5 đồng Đông Dương (12). Điều đó một lần nữa cho thấy, những đồng tiền đầu tiên của nước Việt Nam độc lập có sức lay động sâu sắc tới lòng yêu nước, ý thức độc lập dân tộc của nhân dân ta và nó không những là công cụ về kinh tế tài chính mà còn là vũ khí tinh thần đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Nếu trên mặt trận quân sự, ta dùng vũ khí của địch để đánh địch thì trên phương diện tài chính, tiền tệ ta cũng dùng tiền địch để đánh địch và củng cố giá trị tiền ta. Chỉ trong vòng hơn một năm sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công cho đến trước khi Kháng chiến toàn quốc bùng nổ,

nước ta đã có một đồng tiền riêng, được phát hành trong toàn quốc, từ Bắc đến Nam, được nhân dân tin dùng. Sự kiện này đã giáng một đòn quyết liệt vào kế hoạch của Viện Phát hành Liên bang Đông Dương muốn cho ra đời một đồng tiền Liên bang nằm trong vòng kiểm soát của đồng Franc Pháp. Đến khi toàn quốc bùng nổ, phạm vi lưu hành tiền Việt Nam và tiền Đông Dương có sự thay đổi. Tiền Việt Nam hầu như có mặt ở khắp mọi nơi, còn tiền Đông Dương, từng bước chuyển vào vùng Pháp tạm chiếm.

Thực tế cho thấy, tiền Việt Nam được phát hành hoàn toàn dựa vào lòng yêu nước của quần chúng nhân dân mà chưa có sự đảm bảo vật chất về phía Nhà nước trong khi tiền Đông Dương thì được đảm bảo sức mua trong khu vực đồng Franc, vì thế đây vẫn là một nhược điểm mà địch có thể lợi dụng để làm suy yếu và hạ thấp giá trị tiền Việt Nam. Mặt khác, do kỹ thuật in ấn chưa cao, lại thiếu kinh nghiệm trong phát hành và quản lý tiền tệ nên địch đã tìm ra những sơ hở để phá hoại tiền Việt Nam như in và tung ra thị trường bạc giả, khủng bố người tiêu tiền Việt Nam, rải truyền đơn nói xấu đồng tiền Việt Nam và lòng sục đánh phá ác liệt cơ sở in tiền của Việt Nam (13).

Tiền Việt Nam ra đời sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước ta đã hoàn toàn độc lập nhưng trong thực tế kẻ thù bao vây bốn phía, ở ngoài Bắc là quân Tưởng với sự tràn ngập tiền Quan kim,

Quốc tệ, còn ở miền Nam, từ ngày 23-9-1945 Pháp đã đánh chiếm Sài Gòn và mở rộng ra ngoại vi, vì thế phạm vi lưu thông và tình hình lưu thông tiền Việt Nam còn phụ thuộc vào cuộc đấu tranh cả trên mặt trận quân sự và chính trị đối với kẻ thù.

Nhìn chung tình hình lưu thông tiền ta trong năm đầu sau cách mạng chưa dẫn đến sự biến động lớn về giá cả, vì lượng bạc phát hành trong năm đầu tiên chưa nhiều và phạm vi lưu hành tiền ta khá rộng lớn. Sau ngày kháng chiến toàn quốc, tình hình chiến sự lan rộng, nhiều vùng tự do của ta tạm bị chiếm đóng, cộng thêm tình hình sản xuất khó khăn, nhu cầu chi tiêu lớn, bạc sản xuất ra vượt quá sức sản xuất của nền kinh tế hàng hoá nhỏ bé, manh mún nên tình hình giá cả mới diễn biến khá căng thẳng nhất là những năm 1949-1950.

Mặc dù vẫn còn những nhược điểm mà địch có thể lợi dụng song sự ra đời, sức sống của những đồng tiền đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám là một thắng lợi lớn. Một mặt nó đã đấu tranh quyết liệt chống thù trong giặc ngoài để góp phần bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia, mặt khác nó đặt những viên gạch đầu tiên trong việc xây dựng nền tài chính của nước Việt Nam mới. Nhờ sức mạnh to lớn đó, khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, và trong những năm đầu của cuộc kháng chiến, chúng ta không những cầm cự vững vàng với địch về quân sự mà còn cầm cự vững vàng cả về mặt tài chính, tiền tệ.

CHÚ THÍCH

(1). Bộ Tài chính. *Tình hình tài chính từ ngày chính phủ Việt Nam lên cầm quyền*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hồ sơ 2928, tr. 1- 2. Tham khảo thêm Nguyễn Anh Huy. *Lịch sử tiền tệ Việt Nam*. Sơ truy và lược khảo. Nxb. Văn hóa Sài Gòn, 2010.

(2). Ngày 17-11-1945 cao ủy Pháp ở Sài Gòn là Đắcgiăngliơ tuyên bố vô giá trị tất cả các giấy bạc 500 đồng in tại nhà in Viễn Đông từ ngày 9-3-1945 (tức là ngày Nhật đảo chính Pháp) đến ngày 23-9-1945 (là ngày thực dân Pháp quay trở lại xâm lược

Nam Bộ, lấy cơ là những giấy bạc này in trong thời kỳ phát xít Nhật thống trị, Pháp không chịu trách nhiệm.

Còn giấy bạc 500 đồng phát hành trước 9-3-1945 thì chúng bắt phải đem đổi trong vòng 7 ngày (từ 19 đến 25 tháng 11 năm 1945) với 70% giá trị và lấy cơ rằng đây là những biện pháp để "tẩy uế" nền tài chính Đông Dương. Thực chất đó là hành động cướp không công sức của đồng bào ta đồng thời làm rối loạn nền tài chính, tiền tệ mới hình thành của ta. Chúng còn nổ súng vào đoàn người biểu tình trước ngân hàng Đông Dương đòi đổi bạc (ngày 26-11-1946) làm cho một số đồng bào ta và Hoa kiều bị chết và bị thương (Viện Kinh tế Việt Nam. *Kinh tế Việt Nam từ Cách mạng Tháng Tám đến kháng chiến thắng lợi (1945-1954)*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1966, tr. 57.

(3). Viện khoa học Tài chính. *Lịch sử tài chính Việt Nam*, Tập I (Thông tin chuyên đề), Hà Nội, 1995, tr. 63.

(4). *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 8 (1945-1947), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 28.

(5). *Việt Nam dân quốc công báo*, năm 1946, số 23, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, tr. 492.

(6). Sắc lệnh số 48/SL ngày 1-5-1947. *Việt Nam dân quốc công báo* năm 1947, số 7, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, tr. 12.

(7). "Có 3 người được phân công vẽ tờ 100 đồng: kiến trúc sư Lương Văn Tuất và ông Đào Văn Trung cán bộ Sở địa đồ chuyên vẽ diềm trang trí và kẻ chữ, họa sĩ Nguyễn Huyền vẽ hình giữa. Hình mặt trước là con trâu cày. Mặt sau là hình người nông dân vác cuốc và người thợ nề cầm cái bay tượng trưng nông nghiệp và xây dựng. Ba màu xanh, vàng, nâu là chủ đạo. Tâm điểm của đồng bạc chính là con trâu.

Là họa sĩ phong cảnh, vẽ con trâu là việc quá quen thuộc thậm chí rất đơn giản đối với Nguyễn Huyền. Tuy vậy ở tác phẩm này ông vẫn muốn nó thật có thần, thật thanh thoát và sống động. Ông Huyền quyết định bỏ xưởng chạy ra cánh đồng làng Láng (nay là quận Cầu Giấy, Hà Nội) để quan sát một con trâu thật đang gặm cỏ.

Khi tờ giấy bạc được lưu hành, có lẽ nó cũng truyền tải được cái tâm người vẽ nên người dân lúc ấy gọi là đồng bạc con trâu xanh. Nếu lấy kính lúp soi kỹ thì những cái xoáy lông trâu hiện lên ở đầu và mình

con trâu rất tự nhiên và sống động" (Theo sggp.org.vn).

(8). *Tập Sắc lệnh của Chủ tịch phủ về việc lưu hành giấy bạc và thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam năm 1946-1951*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, phòng Bộ Tài chính, hồ sơ 80, tr. 1.

(9). Sắc lệnh số 231/SL, ngày 18-7-1947, *Việt Nam dân quốc công báo*, năm 1947, số 9, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, tr. 3.

(10). Sắc lệnh số 102/SL, ngày 1-11-1947, *Việt Nam dân quốc công báo*, năm 1947, số 12, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, tr. 8.

(11), (12). Lê Văn Hiến. *Nhật ký của một Bộ trưởng*. Tập 2. Nxb. Đà Nẵng, 2004, tr. 619, 621 (Tái bản lần thứ nhất).

(13). Đây là nội dung một trong những rải truyền đơn nói xấu giấy bạc Hồ Chí Minh của thực dân Pháp:

"Bọn Việt Minh quyết làm cho anh em khuynh gia bại sản, họ đã cho phát hành giấy bạc Hồ Chí Minh. Giấy này không có một giá trị nào như anh em đã biết.

Bọn Việt Minh bắt anh em phải đổi giấy bạc có giá trị lấy giấy bạc Hồ Chí Minh. Họ làm thế có ý để thu tiền thật của anh em rồi trốn đi ngoại quốc và còn phân anh em ở lại thì sẽ khuynh gia bại sản.

Chính phủ Pháp không công nhận giấy bạc Hồ Chí Minh và các người ngoại bang cũng không ai thừa nhận.

Anh em hãy nên từ chối, đừng tiêu giấy bạc ấy, anh em nên giữ giấy bạc cũ. Anh em đừng bán thóc gạo mua thịt cá, nếu cần anh em cứ đổi thẳng thóc gạo lấy thịt cá mà dùng, chớ giữ giấy bạc Hồ Chí Minh làm gì.

Khi người Pháp đuổi hết quân Việt Minh đang chạy trốn như vịt, thì anh em hãy mang giấy bạc thật ra mua bán.

Nếu anh em không chịu đưa giấy bạc thật ra cho Việt Minh thì Việt Minh chẳng có tiền đâu trốn đi ngoại quốc. Chúng sẽ bị tiêu diệt hết.

Bấy giờ anh em sẽ được sung sướng yên ổn"

(Bộ Tài chính. *Tập công văn, báo cáo của công an khu 2, khu 11 về việc phát hành giấy bạc giả Việt Nam lưu hành năm 1947*, hồ sơ 28, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, tr. 16.